TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 04 - 01 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh.

Ông Tạ Dương Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 03 và 04 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Vĩnh Ph, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 07-12-2020).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh trình bày:

Vào ngày 25-12-2015, bà Nh cho bà L vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng và ngày 05-01-2016 bà Nh cho bà L vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. Các khoản vay này không xác định thời

hạn vay, khi bà L có tiền sẽ trả cho bà Nh. Việc vay tiền hai bên có lập sổ theo dõi, sổ theo dõi này bà Nh đã thất lạc, bà L vẫn còn lưu giữ. Khi vay tiền bà L cam kết đóng lãi hàng tháng nhưng bà L không thực hiện, dù nhiều lần bà Nh yêu cầu bà L trả vốn vay, tiền lãi nhưng bà L trốn tránh, không trả nợ cho bà Nh. Sau đó, bà Nh khởi kiện bà L về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản, khi Tòa án tiến hành lấy lời khai bà L thừa nhận có vay và còn nợ bà Nh số tiền 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Nh đã rút yêu cầu bà L trả tiền vay, tiền lãi nên Tòa án đã đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này của bà Nh.

Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho bà Nh số tiền vốn vay 55.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 05-01-2016 đến khi xét xử xong vụ án, tạm tính đến ngày khởi kiện (ngày 07-10-2022) là 81 tháng với số tiền 73.953.000 đồng. Tổng cộng vốn vay, tiền lãi bà L phải trả cho bà Nh là 128.953.000 đồng.

- Theo lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận vào ngày 25-12-2015, bà L có vay của bà Nh số tiền 30.000.000 đồng và ngày 05-01-2016 bà L vay của bà Nh số tiền 25.000.000 đồng. Tổng cộng bà L vay của bà Nh hai lần với số tiền 55.000.000 đồng. Cả hai khoản vay này không thỏa thời hạn vay, khi nào bà L có tiền sẽ trả cho bà Nh; bà Nh tính lãi suất vay 2,5%/tháng, bà L đóng lãi cho bà Nh 03 tháng một lần, không nhớ số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu, trả tiền lãi tại nhà bà Nh, trả trực tiếp cho bà Nh nhưng không có làm biên nhận đóng lãi, cũng không ai chứng kiến. Bà L đóng lãi đầy đủ cho bà Nh đến hết năm 2018, từ năm 2019 do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà L không trả lãi, chưa trả tiền vốn vay cho bà Nh.

Bà L đồng ý trả cho bà Nh vốn vay còn nợ số tiền 55.000.000 đồng, nhưng đề nghị được trả dần theo mùa vụ, mỗi mùa vụ (04 tháng/mùa vụ) bà L trả cho bà Nh số tiền 5.000.000 đồng. Bà L đề nghị bà Nh không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi do điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nh thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, yêu cầu bà L trả tiền lãi của số tiền vốn vay 55.000.000 đồng, từ ngày khởi kiện vụ án (ngày 07-10-2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-01-2023), mức lãi suất 10%/năm, số tiền tính tròn là 1.323.000 đồng. Giữ nguyên yêu cầu bà L trả cho bà Nh số tiền vốn vay 55.000.000 đồng. Tổng cộng bà L phải trả cho bà Nh số tiền vốn vay, tiền lãi là 56.323.000 đồng, không đồng ý yêu cầu được trả dần theo mùa vụ, mỗi mùa vụ trả số tiền 5.000.000 đồng của bà L.

Bà L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Các đương sự thống nhất về số tiền vay, không thống nhất lãi suất vay, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị L trả tiền vốn vay, tiền lãi. Bị đơn bà Phan Thị L cư trú tại Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Kim Thị Cẩm Hường. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nh thay đổi yêu cầu tính lãi, yêu cầu bà L trả tiền lãi của số tiền vốn vay 55.000.000 đồng, từ ngày khởi kiện vụ án (ngày 07-10-2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-01-2023), mức lãi suất 10%/năm, số tiền tính tròn là 1.323.000 đồng. Bà L đồng ý với thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà Nh. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này do bà Nh là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Các đương sự thống nhất vào ngày 25-12-2015 bà Nh cho bà L vay số tiền 30.000.000 đồng và ngày 05-01-2016 bà Nh cho bà L vay số tiền 25.000.000 đồng. Thời hạn vay khi nào bà L có tiền sẽ trả cho bà Nh, không xác định thời hạn vay. Bà L đã nhận đủ số tiền vốn vay nhưng chưa trả cho bà Nh. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật, không phải chứng minh.

[5] Bà Nh yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay 55.000.000 đồng. Bà L thừa nhận có vay tiền của bà Nh 02 lần với số tiền 55.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Nh số tiền vay còn nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L đã đồng ý trả cho bà Nh số tiền vốn vay còn nợ nên bà Nh yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay 55.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Bà L yêu cầu được trả dần số tiền vốn vay theo mùa vụ nhưng bà Nh không đồng ý, yêu cầu này của bà L sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Bà Nh yêu cầu bà L trả tiền lãi của số tiền vốn vay 55.000.000 đồng, từ ngày khởi kiện vụ án (ngày 07-10-2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-01-2023), mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 1.323.000 đồng. Bà L đề nghị bà Nh không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi do điều kiện kinh tế khó khăn, không có nguồn thu nhập. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nh cho rằng khoản vay ngày 25-12-2015, lãi suất 03%/tháng; khoản vay ngày 05-01-2016, lãi suất 05%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà L không thừa nhận mức lãi suất như bà Nh trình bày, theo bà L mức lãi suất của hai khoản vay này đều là 2,5%/tháng nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không có căn cứ để xem xét mức lãi suất vay như các đương sự trình bày.

[8] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nh đã xác định đúng thời điểm vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, điểm a Khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (viết tắt là Nghị quyết số 01); mức lãi suất yêu cầu 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, điểm a Khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 01. Do đó, bà Nh yêu cầu bà L trả tiền lãi với số tiền 1.323.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Bà L trình bày có đóng lãi cho bà Nh định kỳ 03 tháng một lần đến hết năm 2018 nhưng không nhớ số tiền đã đóng lãi bao nhiêu, không cung cấp được chứng cứ chứng minh có đóng lãi cho bà Nh. Bà Nh không thừa nhận có nhận tiền lãi do bà L đóng. Do đó, không có căn cứ để xem xét, giải quyết số tiền lãi bà L đã đóng cho bà Nh. Ngoài ra, bà L yêu cầu bà Nh không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi nhưng bà Nh không đồng ý, như đã nhận định bà L phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà Nh.

[10] Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nh, buộc bà L phải trả cho bà Nh số tiền vốn vay 55.000.000 đồng và tiền lãi là 1.323.000 đồng. Tổng cộng vốn vay, tiền lãi là 56.323.000 đồng.

[11] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, bà L còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

[12] Về án phí sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nh được chấp nhận nên bà Nh không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh được chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 468, điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ Nh, buộc bà Phan Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ Nh số tiền vốn vay, tiền lãi tổng cộng 56.323.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng), gồm:

- Số tiền vốn vay: 55.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng).

- Số tiền lãi từ ngày khởi kiện (ngày 07-10-2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-01-2023) số tính tròn: 1.323.000 đồng (bằng chữ: Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có đơn yêu cầu thi hành án, bà Phan Thị L còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.816.150 đồng (bằng chữ: Hai triệu tám trăm mười sáu nghìn một trăm năm mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.230.000 đồng (bằng chữ: Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005683 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt